

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

Căn cứ các Quyết định: số 92/QĐ-UBND ngày 16/01/2012; số 1010/QĐ-UBND ngày 18/7/2014; số 395/QĐ-UBND ngày 16/3/2016; số 629/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ;

Xét đề nghị của UBND huyện Đức Phổ tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 22/5/2019 về việc đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Dự án Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 152/BC-STC ngày 08/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Đức Phổ.
- Địa điểm xây dựng: Xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Khởi công tháng 9/2014, hoàn thành tháng 9/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	42.919.419.310	40.997.672.010	1.921.747.000
Ngân sách tỉnh	42.919.419.310	40.997.672.010	1.921.747.000

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	44.418.749.823	42.919.419.310
1. Đền bù, GPMB	9.383.814.315	9.199.936.310
2. Chi phí xây dựng	31.737.257.397	30.678.133.000
3. Chi phí quản lý dự án	662.043.887	626.281.000
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	2.354.502.036	2.136.456.000
5. Chi phí khác	281.132.188	278.613.000

(Chi tiết có Phụ lục số 1 đính kèm)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	0		42.919.419.310	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		42.919.419.310	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	42.919.419.310	
Ngân sách tỉnh	42.919.419.310	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra là:

+ Tổng nợ phải thu: 162.216.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 2.083.963.000 đồng.

Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn thu hồi 162.216.000 đồng và ngân sách tỉnh bố trí thêm 1.921.747.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại phụ lục số II kèm theo).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ	42.919.419.310	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

UBND huyện Đức Phổ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 152/BC-STC ngày 08/8/2019 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ; Hiệu trưởng Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KGVX), TH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm281

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng

Phụ lục số I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án: Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số: 1156/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí bồi thường, GPMB và TĐC	9,383,814,315	9,201,269,416	9,199,936,310	-183,878,005	-1,333,106
1	Phần bồi thường, hỗ trợ trực tiếp và phục vụ bồi thường	7,573,211,831	7,556,287,416	7,554,954,310	-18,257,521	-1,333,106
-	<i>Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp</i>	<i>7,424,829,764</i>	<i>7,407,905,349</i>	<i>7,407,905,349</i>	<i>-16,924,415</i>	<i>0</i>
-	<i>Phục vụ bồi thường</i>	<i>148,382,067</i>	<i>148,382,067</i>	<i>147,048,961</i>	<i>-1,333,106</i>	<i>-1,333,106</i>
2	Đo đạc bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500, chỉnh lý bản đồ địa chính 1/2000 và cắm mốc GPMB	73,764,000	66,468,000	66,468,000	-7,296,000	0
3	Xây dựng Khu tái định cư thôn Đông Quang	1,736,838,484	1,578,514,000	1,578,514,000	-158,324,484	0
a	Chi phí xây dựng	1,601,803,994	1,449,020,000	1,449,020,000	-152,783,994	0
-	<i>Công ty TNHH TDB</i>	<i>1,601,803,994</i>	<i>1,449,020,000</i>	<i>1,449,020,000</i>	<i>-152,783,994</i>	<i>0</i>
b	Chi phí quản lý dự án	32,178,036	31,973,000	31,973,000	-205,036	0
c	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	102,856,454	97,521,000	97,521,000	-5,335,454	0
-	<i>Khảo sát, lập báo cáo KT-KT</i>	<i>56,361,195</i>	<i>55,209,000</i>	<i>55,209,000</i>	<i>-1,152,195</i>	<i>0</i>
-	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC và DT</i>	<i>2,724,799</i>	<i>2,724,000</i>	<i>2,724,000</i>	<i>-799</i>	<i>0</i>
-	<i>Lập HSYC và đánh giá HSDX</i>	<i>4,499,583</i>	<i>4,499,000</i>	<i>4,499,000</i>	<i>-583</i>	<i>0</i>
-	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>39,270,877</i>	<i>35,089,000</i>	<i>35,089,000</i>	<i>-4,181,877</i>	<i>0</i>

II	Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung)	31,737,257,397	30,678,133,000	30,678,133,000	-982,504,639	0
1	Gói thầu số 06 (Thi công san nền)	3,016,892,760	2,544,557,000	2,544,557,000	-472,335,760	0
-	<i>Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng</i>	<i>3,016,892,760</i>	<i>2,544,557,000</i>	<i>2,544,557,000</i>	<i>-472,335,760</i>	<i>0</i>
2	Gói thầu số 07 (Xây dựng dãy nhà lớp học 15 phòng 03 tầng - dãy phía Nam)	5,906,286,000	5,786,341,000	5,786,341,000	-119,945,000	0
-	<i>Công ty TNHH Xây lắp Đông Sơn</i>	<i>5,906,286,000</i>	<i>5,786,341,000</i>	<i>5,786,341,000</i>	<i>-119,945,000</i>	<i>0</i>
3	Gói thầu số 11 (Xây dựng Nhà hiệu bộ)	6,136,918,395	6,069,739,000	6,069,739,000	-67,179,395	0
-	<i>Công ty Xây dựng và Tư vấn Thăng Long</i>	<i>6,136,918,395</i>	<i>6,069,739,000</i>	<i>6,069,739,000</i>	<i>-67,179,395</i>	<i>0</i>
4	Gói thầu số 15 (Xây dựng dãy nhà lớp học 15 phòng 03 tầng - dãy phía Bắc và các hạng mục Kè, tường rào công nghệ, hệ thống cấp điện, cấp nước, PCCC)	8,842,436,000	8,524,818,000	8,524,818,000	-317,618,000	0
-	<i>Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng</i>		<i>2,599,106,000</i>	<i>2,599,106,000</i>		<i>0</i>
-	<i>Công ty Xây dựng và Tư vấn Thăng Long</i>		<i>5,925,712,000</i>	<i>5,925,712,000</i>		<i>0</i>
5	Gói thầu số 20 (Xây dựng Nhà bộ môn, nhà để xe, sân bê tông, hành lang cầu nối)	6,193,411,000	6,114,078,000	6,114,078,000	-2,713,242	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tấn Lộc</i>	<i>6,193,411,000</i>	<i>6,114,078,000</i>	<i>6,114,078,000</i>	<i>-2,713,242</i>	<i>0</i>
6	Gói thầu số 04 (Thi công các hạng mục bổ sung gồm Sân bê tông, trụ cờ, trồng cây; bao gồm chi phí hạng	1,641,313,242	1,638,600,000	1,638,600,000	-2,713,242	0

	mục chung)					
-	<i>Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng</i>	1,641,313,242	1,638,600,000	1,638,600,000	-2,713,242	0
III	Chi phí quản lý dự án	662,043,887	626,281,000	626,281,000	-35,762,887	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2,354,502,036	2,142,181,000	2,136,456,000	-218,046,036	-5,725,000
1	Khảo sát	325,567,000	325,567,000	325,567,000	0	0
2	Lập dự án đầu tư	161,829,772	161,829,500	161,829,500	-272	0
-	<i>Ban đầu</i>	146,863,000	146,863,000	146,863,000	0	0
-	<i>Điều chỉnh</i>	14,966,772	14,966,500	14,966,500	-272	0
3	Lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán	785,882,617	785,882,500	785,882,500	-117	0
-	<i>Ban đầu</i>	752,897,000	752,897,000	752,897,000	0	0
-	<i>Điều chỉnh</i>	32,985,617	32,985,500	32,985,500	-117	0
4	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	96,246,000	96,246,000	96,246,000	0	0
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu	75,980,407	79,000,000	73,275,000	-2,705,407	-5,725,000
-	<i>Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 6,7</i>	23,133,808	21,000,000	21,000,000	-2,133,808	0
-	<i>Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 11</i>	15,737,252	16,000,000	15,737,000	-252	-263,000
-	<i>Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 15</i>	18,538,616	24,000,000	18,538,000	-616	-5,462,000
-	<i>Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 20</i>	12,387,920	12,000,000	12,000,000	-387,920	0
-	<i>Lập HSYC và đánh giá HSDX gói thầu số 04 (các hạng mục bổ sung)</i>	6,182,811	6,000,000	6,000,000	-182,811	0

6	Giám sát thi công xây dựng	744,996,240	693,656,000	693,656,000	-51,340,240	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Bảo Tín (giám sát gói thầu số 6, 7)</i>	214,379,825	179,251,000	179,251,000	-35,128,825	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Bảo Tín (giám sát gói thầu số 11)</i>	154,893,658	154,893,000	154,893,000	-658	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Đất Thăng Long (giám sát gói thầu số 15)</i>	200,712,647	184,592,000	184,592,000	-16,120,647	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Đất Thăng Long (giám sát gói thầu số 20)</i>	134,120,693	134,120,000	134,120,000	-693	0
-	<i>Công ty TNHH MTV Tài Đức (giám sát gói thầu số 04: thi công các hạng mục bổ sung)</i>	40,889,417	40,800,000	40,800,000	-89,417	0
7	Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình	164,000,000	0	0	-164,000,000	0
V	Chi phí khác	281,132,188	278,613,000	278,613,000	-2,519,188	0
1	Thẩm định dự án đầu tư	5,229,000	5,229,000	5,229,000	0	0
2	Thẩm định kết quả đấu thầu	2,000,000	0	0	-2,000,000	0
3	Bảo hiểm công trình	75,865,015	75,437,000	75,437,000	-428,015	0
-	<i>Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi (bảo hiểm gói thầu xây lắp số 6, 7)</i>	22,055,538	22,055,000	22,055,000	-538	0
-	<i>Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi (bảo hiểm gói thầu xây lắp số 11)</i>	15,935,561	15,935,000	15,935,000	-561	0
-	<i>Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi (bảo hiểm gói thầu xây lắp số 15)</i>	20,649,449	20,649,000	20,649,000	-449	0
-	<i>Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi (bảo hiểm gói thầu xây lắp số 20)</i>	13,798,425	13,798,000	13,798,000	-425	0

-	<i>Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi (bảo hiểm gói thầu xây lắp số 04 các hạng mục bổ sung)</i>	3,426,042	3,000,000	3,000,000	-426,042	0
4	Chi phí kiểm toán	114,090,000	114,000,000	114,000,000	-90,000	0
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	70,355,537	70,355,000	70,355,000	-537	0
6	Chi phí thẩm định TKBVTC và DT	3,592,636	3,592,000	3,592,000	-636	0
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	10,000,000	10,000,000	10,000,000	0	0
VI	Dự phòng	157,860,177	0	0	-157,860,177	0
	Tổng cộng:	44,576,610,000	42,926,477,416	42,919,419,310	-1,580,570,932	-7,058,106

Phụ lục số II
BẢNG CÔNG NỢ

Dự án: Trường THPT Lương Thế Vinh, huyện Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số: 1156/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		Chi phí bồi thường, GPMB và TĐC	9,199,936,310	9,301,218,310	-156,491,000	55,209,000
		<i>Phần bồi thường, hỗ trợ trực tiếp và phục vụ bồi thường</i>				
1	Các hộ dân và tổ chức	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	7,407,905,349	7,407,905,349	0	0
2	Trung tâm PTQĐ huyện Đức Phổ	Chi phí phục vụ bồi thường, GPMB	147,048,961	147,048,961	0	0
		<i>Đo đạc bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500, chỉnh lý bản đồ địa chính 1/2000 và cắm mốc GPMB</i>				
1	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi		66,468,000	66,468,000	0	0
		<i>Xây dựng Khu tái định cư thôn Đông Quang</i>				

1	Công ty TNHH TDB	Thi công xây dựng	1,449,020,000	1,601,632,000	-152,612,000	0
2	Trung tâm PTQĐ huyện Đức Phổ	Chi phí quản lý dự án	31,973,000	31,973,000	0	0
3	Liên danh Công ty CP Khảo sát, thiết kế kiểm định công trình SC và Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp điện Á Châu	Khảo sát, lập báo cáo KT-KT	55,209,000	0	0	55,209,000
4	Công ty TNHH Tư vấn – quản lý dự án XD 36	Thẩm tra thiết kế BVTC và DT	2,724,000	2,724,000	0	0
		Lập HSYC và đánh giá HSDX	4,499,000	4,499,000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn ĐT&XD Ánh Linh	Giám sát thi công xây dựng	35,089,000	38,968,000	-3,879,000	0
II		Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung)	30,678,133,000	28,872,784,700	0	1,805,348,000
1	Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng	Gói thầu số 06 (Thi công san nền)	2,544,557,000	2,247,638,000	0	296,919,000
2	Công ty TNHH Xây lắp Đông Sơn	Gói thầu số 07 (Xây dựng dãy nhà lớp học 15 phòng 03 tầng - dãy phía Nam)	5,786,341,000	5,588,071,000	0	198,270,000
3	Công ty Xây dựng và Tư vấn Thăng Long	Gói thầu số 11 (Xây dựng Nhà hiệu bộ)	6,069,739,000	5,828,123,000	0	241,616,000
4	Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng	Gói thầu số 15 (Xây dựng dãy nhà lớp học 15 phòng 03 tầng - dãy phía Bắc và	2,599,106,000	2,268,995,000	0	330,111,000

5	Công ty Xây dựng và Tư vấn Thăng Long	các hạng mục Kè, tường rào công nghệ, hệ thống cấp điện, cấp nước, PCCC)	5,925,712,000	5,712,575,000	0	213,137,000
6	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Tấn Lộc	Gói thầu số 20 (Xây dựng Nhà bộ môn, nhà để xe, sân bê tông, hành lang cầu nổi)	6,114,078,000	5,869,787,000	0	244,291,000
7	Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và vận tải Bách Bằng	Gói thầu số 04 (Thi công các hạng mục bổ sung gồm Sân bê tông, trụ cờ, trồng cây; bao gồm chi phí hạng mục chung)	1,638,600,000	1,357,595,700	0	281,004,000
III		Chi phí quản lý dự án	626,281,000	626,281,000	0	0
1	BQL dự án Trường THPT Lương Thế Vinh	Quản lý dự án	626,281,000	626,281,000	0	0
V		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2,136,456,000	2,113,130,000	-5,725,000	29,051,000
1	Công ty Tư vấn và kiểm định xây dựng	Khảo sát địa chất	325,567,000	1,225,327,000	0	0
		Lập dự án ban đầu	146,863,000			
		Lập thiết kế BVTC và TDT	752,897,000			
2	Công ty TNHH MTV Đất Thăng Long	Lập dự án điều chỉnh	14,966,500	47,952,000	0	0
		Lập thiết kế điều chỉnh	32,985,500			
3	Công ty CP Khảo sát thiết kế và kiểm định công trình SC	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	96,246,000	96,246,000	0	0
4	Công ty TNHH MTV Đất Thăng Long	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 6,7	21,000,000	21,000,000	0	0

		Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 11	15,737,000	16,000,000	-263,000	0
		Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 15	18,538,000	24,000,000	-5,462,000	0
		Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu số 20	12,000,000	12,000,000	0	0
		Lập HSYC và đánh giá HSDX gói thầu số 04 (các hạng mục bổ sung)	6,000,000	6,000,000	0	0
5	Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Bảo Tín	Giám sát gói thầu số 6, 7	179,251,000	171,587,000	0	7,664,000
		Giám sát gói thầu số 11	154,893,000	154,893,000	0	0
6	Công ty TNHH MTV Đất Thăng Long	Giám sát gói thầu số 15	184,592,000	180,641,000	0	3,951,000
		Giám sát gói thầu số 20	134,120,000	116,684,000	0	17,436,000
7	Công ty TNHH MTV Tài Đức	Giám sát gói thầu số 4 thi công các hạng mục bổ sung	40,800,000	40,800,000	0	0
VII		Chi phí khác	278,613,000	84,258,000	0	194,355,000
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi	Thẩm định dự án (ban đầu)	5,229,000	5,229,000	0	0
2	Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi	Bảo hiểm gói thầu xây lắp số 6, 7	22,055,000	22,055,000	0	0
		Bảo hiểm gói thầu xây lắp số 11	15,935,000	15,935,000	0	0
		Bảo hiểm gói thầu xây lắp	20,649,000	20,649,000	0	0

		số 15				
		Bảo hiểm gói thầu xây lắp số 20	13,798,000	13,798,000	0	0
		Bảo hiểm gói thầu xây lắp số 4 thi công các hạng mục bổ sung	3,000,000	3,000,000	0	0
3	Công ty TNHH Kiểm toán số 1	Chi phí kiểm toán	114,000,000	0	0	114,000,000
4	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	70,355,000	0	0	70,355,000
5	Sở Xây dựng	Chi phí thẩm định TKBVTC và DT	3,592,000	3,592,000	0	0
6	Trung tâm quy hoạch và kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	10,000,000	0	0	10,000,000
	Tổng cộng:		42,919,419,310	40,997,672,010	-162,216,000	2,083,963,000